

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ G VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 395/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/12/2021.

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ G VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Bà Nguyễn Thị Kiều Phương

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông
Dong Văn Nguyễn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 229/2021/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2021 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/11/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/12/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trương Quang D, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 39/1/14 đường 4 tổ 3, khu phố 2, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nay là Số 39/1/14 đường 4 tổ 3, khu phố 2, phường A, thành phố B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Chị Đỗ Ngọc T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 06/5/2021 và trong quá trình tố tụng tại tòa án nguyên đơn anh Trương Quang D trình bày:

Về hôn nhân: Anh D và chị Đỗ Ngọc T cưới nhau năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 25/5/2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra nhiều mâu thuẫn,

hôn nhân dần mất đi hạnh phúc, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt kéo dài nhiều năm không hàn gắn được. Anh D và chị Tiên đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Hiện cuộc sống tự ai nấy lo, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh D yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung là Trương Minh G, sinh ngày 26/4/2006, hiện con đang sống với anh D. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đỗ Ngọc T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Quang D. Về con chung, giao cháu Trương Minh G, sinh ngày 26/4/2006 cho anh Trương Quang D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Sự có mặt, vắng mặt đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Trương Quang D thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn” được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C;

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trương Quang D, chị Đỗ Ngọc T theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, anh D có văn bản xin vắng mặt, chị T vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D, chị T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trương Quang D về việc được ly hôn chị Đỗ Ngọc T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời trình bày, các chứng cứ do đương sự cung cấp thì giữa anh D và chị Đỗ Ngọc T cưới nhau năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 25/5/2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan

điểm trong cuộc sống nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, hôn nhân dần mất đi hạnh phúc, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt kéo dài nhiều năm không hàn gắn được. Anh D và chị T đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Hiện cuộc sống tự ai nấy lo, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Tòa án nhân dân huyện C đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Đỗ Ngọc T nhưng chị T không có ý kiến gì đối với yêu cầu được ly hôn của anh D và vắng mặt tại phiên tòa, cho thấy chị T không có thành ý hàn gắn tình cảm giữa anh chị. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì xem như chị T không có phản đối gì đối với yêu cầu ly hôn của anh D;

Vì thế Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh D và chị T không còn hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Trương Quang D.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trương Quang D về việc yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ lời trình bày của đương sự thì giữa anh D và chị T có một con chung là Trương Minh G, sinh ngày 26/4/2006. Xét yêu cầu nuôi con chung của anh D là có cơ sở vì cháu G đã sống với anh D từ khi anh D và chị T sống ly thân (năm 2012) cho đến thời điểm hiện tại, cuộc sống của cháu G đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt. Hơn nữa, tại Bản tự khai đề ngày 16/11/2021 của cháu Trương Minh G thể hiện cháu có nguyện vọng được sống chung với cha, nên cần tôn trọng ý kiến của cháu G.

Phía chị T không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh D, giao cháu Trương Minh G cho anh D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh Trương Quang D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các điều 92, 147, 227, 228, 233, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Quang D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Quang D được quyền ly hôn chị Đỗ Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Minh G, sinh ngày 26/4/2006 cho anh Trương Quang D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Đỗ Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đỗ Ngọc T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Trương Quang D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004887 ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên xem như anh D đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với anh Trương Quang D và chị Đỗ Ngọc T vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND phường V,
TP. P, tỉnh Ninh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê T hị Lĩnh